TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **2547**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 06 – 12 – 2023
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa – Thẩm phán: Ông Phan Trịnh Minh Đức

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành Thông
Ông Huỳnh Phẩm Dũng Phát

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Viết Nhiên – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Thanh Hương – Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 13/2023/TLST-HNGĐ ngày 16/01/2023 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4627/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14922/2023/QĐHPT-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Trương Ngọc H, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Số 21/2H đường DĐN, Phường X, Quận Y, Thành phố H.

- *Bị đơn*: Ông Phu Vày P, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Covelandia Rd Binakayan Kawit Cavite 4104 - Philippinnes.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn bà Trương Ngọc H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Ngọc H và ông Phu Vày P tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 121/2016 ngày 13/9/2016 do Ủy ban nhân dân xã PL, huyện ĐQ, tỉnh ĐN cấp. Sau khi kết hôn, bà Trương Ngọc H và ông Phu Vày P chung sống hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2019 ông Phu Vày P đi lao động tại nước Macau và hiện nay là nước Philippinnes cho đến nay. Thời gian đầu vợ chồng có liên lạc với nhau, dần dần ít liên lạc và

đến nay không còn liên lạc với nhau. Bà Trương Ngọc H đã nhiều lần yêu cầu ông Phu Vày P, nếu vợ chồng không còn tình cảm thì về Việt Nam để giải quyết việc ly hôn nhưng ông Phu Vày P không về. Nhận thấy, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể hàn gắn cuộc sống vợ chồng, bà Trương Ngọc H yêu cầu ly hôn ông Phu Vày P.

Về con chung: Bà Trương Ngọc H trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trương Ngọc H trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Phu Vày P:

Ông Phu Vày P hiện đang cư trú tại nước Philippinnes nên Tòa án nhân dân Thành phố H đã thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp ra nước ngoài và đăng trên cổng thông tin điện tử của Đại sứ quán Việt Nam tại nước Philippinnes để niêm yết, tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông Phu Vày P biết như: Thông báo về việc thụ lý vụ án, ngày giờ mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, ngày giờ mở phiên tòa vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm. Tòa án nhân dân Thành phố H thông báo và yêu cầu ông Phu Vày P có văn bản trình bày về quan hệ hôn nhân, về con chung, về tài sản chung, về nợ chung trong quá trình chung sống giữa bà Trương Ngọc H và ông Phu Vày P, đồng thời trình bày ý kiến của ông Phu Vày P đối với yêu cầu khởi kiện của bà Trương Ngọc H. Tuy nhiên, Tòa án nhân dân Thành phố H không nhận được phản hồi của ông Phu Vày P, mặc dù các thủ tục ủy thác niêm yết, tống đạt, đăng trên cổng thông tin điện tử của Đại sứ quán Việt Nam tại nước Philippinnes hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án như đã nêu trên đối với ông Phu Vày P.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Trương Ngọc H có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn ông Phu Vày P đã được cơ quan có thẩm quyền niêm yết, tống đạt, đăng trên cổng thông tin điện tử của Đại sứ quán Việt Nam tại nước Philippinnes hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án như: Thông báo về việc thụ lý vụ án, ngày giờ mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, ngày giờ mở phiên tòa vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng ông Phu Vày P vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố H tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án nhân dân Thành phố H thụ lý vụ án đúng thẩm quyền. Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố

tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Đối với các đương sự vắng mặt, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng.

Về nội dung: Bà Trương Ngọc H và ông Phu Vày P, hiện nay vợ chồng không còn sống chung, mỗi người ở một nơi, cho thấy quan hệ vợ chồng giữa bà Trương Ngọc H và ông Phu Vày P không còn tồn tại trên thực tế, mục đích hôn nhân không đạt được, nên có cơ sở để chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trương Ngọc H đối với ông Phu Vày P. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà Trương Ngọc H trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Ngọc H yêu cầu ly hôn đối với bị đơn ông Phu Vày P, đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về "Ly hôn theo yêu cầu của một bên" theo quy định tại Khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, thuộc trường hợp "Ly hôn" theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn ông Phu Vày P đang cư trú tại nước Philippinnes, bà Trương Ngọc H cư trú tại Quận Y, Thành phố H nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa gia đình và người chưa thành niên – Tòa án nhân dân Thành phố H theo quy định tại Điều 35, Điều 37, Điều 38, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Xét sự vắng mặt của nguyên đơn bà Trương Ngọc H và bị ông Phu Vày P tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Trương Ngọc H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Đối với bị đơn ông Phu Vày P: Tòa án nhân dân Thành phố H đã thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp ra nước ngoài và đăng trên cổng thông tin điện tử của Đại sứ quán Việt Nam tại nước Philippinnes để niêm yết, tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông Phu Vày P biết như: Thông báo về việc thụ lý vụ án, ngày giờ mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, ngày giờ mở phiên tòa vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm. Tuy nhiên, Tòa án nhân dân Thành phố H không nhận được phản hồi của ông Phu Vày P, mặc dù các thủ tục ủy thác niêm yết, tống đạt, đăng trên cổng thông tin điện tử của Đại sứ quán Việt Nam tại nước Philippinnes hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án như đã nêu trên đối với ông Phu Vày P. Căn cứ Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Ngọc H đối với bị đơn ông Phu Vày P, xét thấy:

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trương Ngọc H đã cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình; đối với bị đơn ông Phu Vày P đã được Tòa án tống đạt, niêm yết, đăng trên cổng thông tin điện tử của Đại sứ quán Việt Nam tại nước Philippinnes hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt không có lý do nên được xem bị đơn ông Phu Vày P từ bỏ nghĩa vụ chứng minh theo qui định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử căn cứ các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn bà Trương Ngọc H cung cấp để xét xử vụ án.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Ngọc H và ông Phu Vày P tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 121/2016 ngày 13/9/2016 do Ủy ban nhân dân xã PL, huyện ĐQ, tỉnh ĐN cấp; Có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Trương Ngọc H và ông Phu Vày P là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Bà Trương Ngọc H yêu cầu ly hôn ông Phu Vày P với lý do sau khi kết hôn, bà Trương Ngọc H và ông Phu Vày P chung sống hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2019 ông Phu Vày P đi lao động tại nước Macau và hiện nay là nước Philippinnes cho đến nay. Thời gian đầu vợ chồng có liên lạc với nhau, dần dần ít liên lạc và đến nay không còn liên lạc với nhau. Bà Trương Ngọc H đã nhiều lần yêu cầu ông Phu Vày P, nếu vợ chồng không còn tình cảm thì về Việt Nam để giải quyết việc ly hôn nhưng ông Phu Vày P không về. Đối với ông Phu Vày P đã được Tòa án tống đạt, niêm yết, đăng trên cổng thông tin điện tử của Đại sứ quán Việt Nam tại nước Philippinnes hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không nhận được phản hồi của ông Phu Vày P. Xét thấy, tình nghĩa vợ chồng giữa bà Trương Ngọc H và ông Phu Vày P không có sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; điều kiện sống mỗi người mỗi nơi không có sự chia sẻ, thực hiện các công việc trong một gia đình; khả năng đoàn tụ không có nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà Trương Ngọc H ly hôn ông Phu Vày P theo quy định tại Điều 19, Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Bà Trương Ngọc H trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trương Ngọc H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Xét ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H tại phiên tòa, như nhận định nêu trên xét thấy có cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Khoản 3 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 37, Điều 91, Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 228, Khoản 1 Điều 273 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57 và Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Ngọc H đối với bị đơn ông Phu Vày P:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Trương Ngọc H ly hôn ông Phu Vày P.

Giấy chứng nhận kết hôn số 121/2016 ngày 13/9/2016 của Ủy ban nhân dân xã PL, huyện ĐQ, tỉnh ĐN cấp cho bà Trương Ngọc H và ông Phu Vày P không còn giá trị pháp lý kể từ ngày Bản án ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. *Về con chung:* Không xem xét, giải quyết.

3. *Về tài sản chung, nợ chung:* Không xem xét, giải quyết.

4. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:* Bà Trương Ngọc H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003885 ngày 11/01/2023 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố H.

5. *Về quyền kháng cáo bản án:*

Bà Trương Ngọc H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Ông Phu Vày P cư trú ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 01 (Một) tháng kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết, đăng trên cổng thông tin điện tử của Đại sứ quán Việt Nam tại nước Philippinnes hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận: **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.H;
- VKSND cấp cao tại TP.H;
- VKSND TP.H;
- Cục THADS TP.H;
- UBND xã PL, ĐQ, ĐN;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phan Trịnh Minh Đức